ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 959 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 7 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 4228
Ngày: 10/7/14
Chuyển:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005 của liên Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 1575/SLĐTBXH-NCC ngày 13/6/2014 về việc đề nghị phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách gồm 991 người được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. *(Có danh sách kèm theo)*

Thời gian thực hiện mua bảo hiểm y tế: Từ ngày 01/7/2014.

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 về việc phê duyệt đối tượng, kinh phí thực hiện bảo hiểm y tế năm 2014 cho đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo,trẻ em dưới 6 tuổi và người dân huyện đảo Lý Sơn.

Điều 2. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố thực hiện việc mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng quy định tại Điều 1 Quyết định này bảo đảm đúng quy định hiện hành của Nhà nước; chịu trách nhiệm về tính chính xác danh sách đối tượng mua thẻ BHYT.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động-Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Sơn Tịnh, Đức Phổ, Trà Bồng, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, PCT(VX) UBND tỉnh;
- UBND: PVP(VX), KTTH, CBTH;
- Lưu:VT, VHXHthuy324.

CHỦ TỊCH

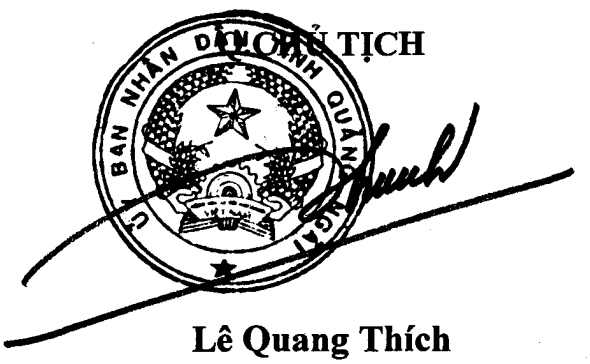

Lê Quang Thích

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM Y TẾ
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 290/2005/QĐ-TTg VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 62/2011/QĐ-TTg

(Kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 09 / 7 /2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
I	**HUYỆN TƯ NGHĨA**					
1	Nguyễn Việt Hùng	1959	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa	TYT xã Nghĩa Lâm	QĐ 290
2	Lâm Thị Năm	1958	Xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa	TYT xã Nghĩa Lâm	QĐ 290
3	Nguyễn Thị Cang	1957	Xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa	TYT xã Nghĩa Lâm	QĐ 290
4	Phạm Thị Huyễn	1947	Xã Nghĩa Hoà, huyện Tư Nghĩa	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK huyện Tư Nghĩa	QĐ 290
5	Nguyễn Thị Hoa	1950	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK huyện Tư Nghĩa	QĐ 290
6	Đinh Thị Lang	1950	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK huyện Tư Nghĩa	QĐ 290
7	Võ Xuân Mai	1961	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Kỳ	QĐ 62
8	Võ Vĩnh	1962	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Kỳ	QĐ 62
9	Nguyễn Trung Liêm	1962	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Kỳ	QĐ 62
10	Nguyễn Hồng Sơn	1965	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Kỳ	QĐ 62
11	Nguyễn Văn Vân	1962	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Kỳ	QĐ 62
12	Trần Hữu Minh	1964	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Kỳ	QĐ 62
13	Võ Tấn Dự	1959	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Kỳ	QĐ 62
14	Huỳnh Minh	1959	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Kỳ	QĐ 62
15	Nguyễn Trần Phi Tùng	1962	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Kỳ	QĐ 62
16	Nguyễn Văn Chung	1968	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Kỳ	QĐ 62
17	Nguyễn Tấn Trung	1959	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Kỳ	QĐ 62
18	Võ Văn Kiệm	1960	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Kỳ	QĐ 62
19	Nguyễn Thanh Hùng	1966	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Mỹ	QĐ 62
20	Nguyễn Văn Phúc	1956	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Mỹ	QĐ 62
21	Phạm Tới	1962	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Mỹ	QĐ 62
22	Trần Quốc Vân	1960	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Mỹ	QĐ 62
23	Huỳnh Tấn Mùi	1962	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Mỹ	QĐ 62
24	Võ Hồng Hải	1959	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Mỹ	QĐ 62
25	Lục Văn Su	1966	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Mỹ	QĐ 62
26	Nguyễn Tư	1961	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Mỹ	QĐ 62
27	Võ Tấn Bường	1962	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Mỹ	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
28	Nguyễn Hớn	1963	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Mỹ	QĐ 62
29	Ngô Hữu Tú	1958	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Mỹ	QĐ 62
30	Tân Ngọc Tâm	1961	xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
31	Nguyễn Đức Trung	1962	xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
32	Ngô Đình Dương	1966	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
33	Lê Quang Ninh	1964	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
34	Trần Văn Định	1966	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
35	Thượng Văn Xuân	1962	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
36	Lê Văn Khánh	1961	xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
37	Trần Văn Cảnh	1969	xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
38	Trần Công Tuấn	1970	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
39	Trần Minh Đức	1964	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
40	Trần Kính	1968	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
41	Ngô Văn Cảnh	1968	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
42	Bùi Tá Tuấn	1961	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
43	Nguyễn Tư Liệu	1964	huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
44	Lê Văn Mẫn	1963	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	TT La Hà, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
45	Lê Hoàng Ninh	1958	xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
46	Phạm Mười	1962	xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
47	Lương Văn Chính	1966	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
48	Trần Văn Yến	1963	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
49	Đoàn Thanh Tặng	1960	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
50	Trần Thanh Tùng	1966	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
51	Lê Văn Láng	1966	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
52	Trương Văn Luật	1965	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
53	Võ Quang Khánh	1964	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
54	Nguyễn Sơn Em	1965	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
55	Trần Thanh Tân	1962	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
56	Trần Tấn Thành	1964	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
57	Phạm Duy Ngân	1963	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
58	Nguyễn Văn Tính	1955	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
59	Trần Văn Tần	1959	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
60	Huỳnh Minh Hải	1955	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
61	Trần Cho Em	1958	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
62	Lương Sơn Thủy	1964	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
63	Phạm Bốn	1964	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
64	Lê Văn Mẹo	1964	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
65	Lê Văn Thông	1965	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
66	Đinh Văn Nhị	1967	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
67	Phạm Văn Tấn	1967	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
68	Huỳnh Nầy	1964	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
69	Phạm Văn Nhương	1965	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
70	Võ ĐÌnh Vân	1964	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
71	Lê Văn Nghệ	1966	xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa	TT La Hà, Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
72	Nguyễn Tấn Dũng	1960	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	TT La Hà, Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
73	Lê Văn Sang	1964	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
74	Nguyễn Ly	1963	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
75	Lê Văn Thuận	1953	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
76	Lê Văn Chương	1959	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
77	Nguyễn Hữu Phước	1961	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
78	Phan Văn Thu	1962	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
79	Bùi Ngọc Tấn	1961	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
80	Hồ Ngọc Linh	1952	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
81	Phạm Tuấn Vương	1965	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
82	Nguyễn giới	1961	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
83	Võ Tiến Sỹ	1957	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
84	Phan Văn Khánh	1961	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
85	Nguyễn Văn Tổng	1965	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
86	Nguyễn Khánh	1955	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
87	Nguyễn Hoài Trung	1961	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
88	Nguyễn Mậu Công	1962	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	xã Nghĩa Hiệp, huyệnTư Nghĩa	TYT Xã Nghĩa Hiệp	QĐ 62
89	Võ Đình Bàng	1957	xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
90	Nguyễn Văn Hùng	1964	xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
91	Đặng Văn Trương	1962	xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
92	Phạm Truyện	1966	xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
93	Nguyễn Xử	1964	xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa	BVĐK Tư Nghĩa	QĐ 62
94	Võ Thị Minh	1946	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	BVĐK huyện Tư Nghĩa	QĐ 290
95	Trần Sau	1956	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	TYT xã Nghĩa Mỹ	QĐ 62
96	Nguyễn Linh	1959	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	TYT xã Nghĩa Mỹ	QĐ 62
97	Nguyễn Tấn Hùng	1968	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	TYT xã Nghĩa Mỹ	QĐ 62
II	**HUYỆN SƠN TỊNH**					
98	Châu Liệu	1956	xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Minh	TNXP
99	Võ Văn Học	1960	xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Minh	QĐ 62
100	Nguyễn Duy Hòa	1960	xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Minh	QĐ 62
101	Huỳnh Tấn Nông	1951	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Hiệp	QĐ 290
102	Lê Văn Chính	1960	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
103	Trần Đức Tiến	1967	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
104	Lương Văn Thuấn	1967	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
105	Cao Văn Pháp	1962	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
106	Trương Thế Bảo	1963	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
107	Đỗ Quang Thấy	1964	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
108	Phan Đình Dương	1961	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
109	Nguyễn Phú	1965	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
110	Võ Văn Đức	1967	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
111	Bùi Đức Thế	1965	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
112	Thới Thật	1956	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
113	Lê Văn Hùng	1957	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
114	Lương Văn Hiền	1963	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
115	Đỗ Văn Tâm	1957	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
116	Trần Quang Khảm	1961	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
117	Nguyễn Trường Sơn	1963	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
118	Nguyễn Thanh Đình	1954	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
119	Đỗ Đình Chiểu	1964	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
120	Nguyễn Tấn Hải	1966	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
121	Vương Bình Minh	1954	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
122	Hồ Thu	1962	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
123	Trần Anh	1962	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
124	Đỗ Minh Triều	1958	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
125	Đỗ Cao Thượng	1960	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
126	Đặng Hồng Vang	1966	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
127	Mai Ngọc Bằng	1964	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
128	Lương Văn Tuấn	1965	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
129	Vương Tấn Lục	1962	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
130	Trần Văn Đức	1967	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
131	Lê Hữu Trí	1956	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
132	Nguyễn Định	1961	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
133	Bùi Nhung	1964	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
134	Nguyễn Bường	1965	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
135	Trần Đức	1953	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
136	Đặng Hồng Dũng	1960	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
137	Nguyễn Văn Hỷ	1958	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
138	Vương Văn Khương	1965	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 62
139	Đặng Tân	1961	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
140	Nguyễn Văn Sương	1953	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
141	Lương Đình Ba	1961	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
142	Nguyễn Hồng Linh	1968	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
143	Phạm Thanh Thái	1964	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
144	Nguyễn Hữu Hơn	1962	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
145	Đặng Văn Minh	1960	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
146	Bùi Đức Nông	1960	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
147	Lâm Thái Sơn	1961	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
148	Đỗ Ngọc Long	1959	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
149	Trương Văn Mai	1955	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
150	Ngô Văn Đốc	1962	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
151	Lê Văn Lập	1956	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
152	Huỳnh Tấn Châu	1956	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
153	Đỗ Ngọc Tín	1957	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62
154	Đào Minh Thắng	1963	xã Nghĩa Kỳ, huyệnTư Nghĩa	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Trà	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
155	Phan Ngọc Thấn	1964	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Hiệp	QĐ 62
156	Trương Quang Thơ	1963	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Hiệp	QĐ 62
157	Nguyễn Minh Đức	1965	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Hiệp	QĐ 62
158	Nguyễn Đức Dung	1965	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Hiệp	QĐ 62
159	Đỗ Ngọc Tiến	1963	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Hiệp	QĐ 62
160	Phạm Đông Tuấn	1967	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Hiệp	QĐ 62
161	Mai Dũng	1962	xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Hiệp	QĐ 62
162	Nguyễn Tiến Bộ	1959	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Hiệp	QĐ 62
163	Đỗ Thế Anh	1964	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Hiệp	QĐ 62
164	Đỗ Ngọc Lực	1964	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Hiệp	QĐ 62
165	Nguyễn Ngọc Thảo	1962	xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh	BVĐK KV Tịnh Bắc	QĐ 62
166	Trương Văn Anh	1966	xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh	BVĐK KV Tịnh Bắc	QĐ 62
167	Nguyễn Văn Đào	1964	xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh	BVĐK KV Tịnh Bắc	QĐ 62
168	Trần Quốc Cảnh	1963	xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh	BVĐK KV Tịnh Bắc	QĐ 62
169	Nguyễn Chung	1964	xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh	BVĐK KV Tịnh Bắc	QĐ 62
170	Phan Tiến Dũng	1959	xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Giang	QĐ 290
171	Trần Thị Hạnh	1952	xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Giang	QĐ 290
172	Đỗ Đình Ngoan	1960	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK huyện Sơn Tịnh	QĐ 62
173	Văn Mười	1962	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK huyện Sơn Tịnh	QĐ 62
174	Lê Thành Đức	1964	xã Trà Bình, huyện Trà Bồng	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK huyện Sơn Tịnh	QĐ 62
175	Vương Thanh Dũng	1962	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK huyện Sơn Tịnh	QĐ 62
176	Lê Minh Đức	1967	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK huyện Sơn Tịnh	QĐ 62
177	Bạch Phi	1964	xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK huyện Sơn Tịnh	QĐ 62
178	Lê Kim Thông	1965	xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh	BVĐK huyện Sơn Tịnh	QĐ 62
179	Nguyễn Văn Kiều	1962	xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh	BVĐK huyện Sơn Tịnh	QĐ 62
180	Trần Hoàng Dũng	1955	xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh	BVĐK huyện Sơn Tịnh	QĐ 62
181	Nguyễn Thị Hồng Nhị	1955	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	BVĐK huyện Sơn Tịnh	QĐ 290
III	**THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**					
182	Đoàn Trọng Thức	1965	P. Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	QĐ 62
183	Lê Minh Ngôn	1965	P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	QĐ 62
184	Trần Văn Hùng	1965	Bình Trung, Bình Sơn	P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	QĐ 62
185	Huỳnh Khánh	1957	P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
186	Phan Ngọc Thành	1964	Phù Mỹ - Bình Định	P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	QĐ 62
187	Võ Thành Của	1965	P. Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	QĐ 62
188	Nguyễn Hữu Phép	1966	P. Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	QĐ 62
189	Nguyễn Công Minh	1956	P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	QĐ 62
190	Phạm Viết Huệ	1965	P. Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	QĐ 62
191	Lương Văn Diện	1957	Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	P. Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Quảng Ngãi	QĐ 62
192	Lê Văn Thí	1962	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
193	Ngô Đình Cường	1963	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
194	Trần Tổng	1966	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
195	Lê Văn Lâm	1960	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
196	Trần Văn Cương	1966	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
197	Ngô Mộc	1968	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
198	Trần Văn La	1964	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
199	Huỳnh Thôi	1954	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
200	Nguyễn Hoài Thanh	1964	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
201	Võ Thành Thức	1961	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
202	Trần Bước	1958	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
203	Lê Văn Dũng	1969	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
204	Lê Huy Phúc	1962	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
205	Lê Tấn Bình	1964	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
206	Bùi Ngọc Duy	1964	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
207	Đỗ Thanh Ba	1955	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
208	Trần Cung	1962	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
209	Nguyễn Văn Châu	1966	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
210	Trần Văn Khả	1961	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
211	Trần Minh Hùng	1959	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
212	Phan Tấn Thành	1961	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
213	Võ Văn Phụng	1960	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
214	Trần Bá Tiên	1962	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
215	Nguyễn Quy	1963	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
216	Trần Ngọc Cung	1965	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
217	Nguyễn Hồng Minh	1957	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
218	Đỗ Văn Xê	1962	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa An	QĐ 62
219	Nguyễn Công Trường	1966	xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa Phú	QĐ 62
220	Võ Tấn Dũng	1963	xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa Phú	QĐ 62
221	Đặng Quế	1959	xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa Phú	QĐ 62
222	Huỳnh Ngọc Mai	1957	xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa Phú	QĐ 62
223	Phan Văn Thanh	1961	xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa Phú	QĐ 62
224	Nguyễn Văn Tính	1962	xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa Phú	QĐ 62
225	Trịnh Hồng Thành	1966	xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa Phú	QĐ 62
226	Phạm Cần	1966	xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa Phú	QĐ 62
227	Đặng Thanh Hùng	1964	xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa Phú	QĐ 62
228	Võ Thanh Phương	1957	xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa Phú	QĐ 62
229	Phan Thanh Doãn	1962	xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa Phú	QĐ 62
230	Trần Văn Minh	1958	xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa Phú	QĐ 62
231	Đặng Văn Cầu	1967	xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa Phú	QĐ 62
232	Phan Văn Tân	1960	xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	TYT Xã Nghĩa Phú	QĐ 62
233	Lê Thân	1964	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
234	Phan Thanh Tâm	1967	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
235	Nguyễn Nông	1961	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
236	Phan Văn Khiêm	1962	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
237	Đặng Thanh Long	1964	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
238	Nguyễn Tấn Đô	1955	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
239	Phạm Đồ	1964	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
240	Đoàn Khắc Huy	1961	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
241	Nguyễn Thành Lợi	1962	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
242	Nguyễn Long	1964	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
243	Phạm Văn Chính	1959	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
244	Châu Cư	1954	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
245	Trần Văn Châu	1967	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
246	Phan Văn Cà	1966	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
247	Phạm Tấn Đối	1954	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
248	Nguyễn Cẩm Thư	1964	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
249	Lê Dương	1956	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
250	Nguyễn Một	1957	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
251	Huỳnh Văn Lượng	1966	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
252	Nguyễn Thành Sỏi	1960	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
253	Nguyễn Hùng	1964	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
254	Võ Văn Học	1960	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 62
255	Huỳnh Em	1950	xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	TYT xã Tịnh Long	QĐ 290
256	Đặng Thu	1958	xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Châu	QĐ 62
257	Nguyễn Đình Dân	1956	xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Châu	QĐ 62
258	Đặng Đàn	1966	xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Châu	QĐ 62
259	Nguyễn Xuân Thu	1961	xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Châu	QĐ 62
260	Trần Xuyên Thái	1960	P. Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Châu	QĐ 62
261	Lương Văn Minh	1960	xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Châu	QĐ 62
262	Lê Văn Hùng	1966	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
263	Võ Minh Tùng	1956	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
264	Đỗ Lúc	1966	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
265	Võ Đình Nhất	1968	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
266	Nguyễn Văn Phẩm	1965	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
267	Nguyễn Sum	1962	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
268	Trần Thanh Khâm	1960	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
269	Trương Liêm	1964	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
270	Đỗ Đình Dũng	1966	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
271	Ngô Văn Quá	1960	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
272	Võ Văn Tài	1960	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
273	Phạm Kinh	1962	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
274	Quảng Trọng Tiến	1963	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
275	Phùng Văn Đài	1968	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
276	Phạm Tùng Lâm	1963	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
277	Lê Thanh Chuyền	1955	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
278	Trần Quang Sanh	1967	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
279	Lê Sự	1965	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
280	Nguyễn Tấn Hồng	1967	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
281	Phạm Ô	1955	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
282	Võ Minh Lãnh	1963	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
283	Phùng Hải	1965	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
284	Phạm Hoành	1964	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
285	Nguyễn Hoàng Thanh (Nguyễn Thanh)	1966	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
286	Lê Thanh Tùng	1955	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
287	Huỳnh Hùng	1964	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
288	Trần Cứ	1966	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
289	Trần Văn Rồi	1961	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
290	Phạm Minh Lân	1966	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
291	Lê Ba	1960	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	PKĐK KV Mỹ Lai	QĐ 62
292	Đặng Thị Kim Dung	1954	xã Tịnh Ấn Đông, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Ấn Đông, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Ấn Đông	QĐ 290
293	Nguyễn Thị Thủy	1959	xã Tịnh Ấn Đông, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Ấn Đông, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Ấn Đông	QĐ 290
294	Trương Quang Thành	1955	xã Tịnh Ấn Đông, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Ấn Đông, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Ấn Đông	QĐ 290
295	Đinh Thị Ngọ	1953	xã Tịnh Ấn Đông, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Ấn Đông, huyện Sơn Tịnh	TYT xã Tịnh Ấn Đông	QĐ 290
296	Phạm Thị Minh	1957	xã Tịnh Thiện, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Thiện, TP Quảng Ngãi	BVĐK Sơn Tịnh	QĐ 290
297	Bùi Tiến	5/3/1966	Xã Nghĩa Dõng, TP Quảng Ngãi	Xã Nghĩa Dõng, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
298	Đặng Văn Thương	20/8/1966	Xã Nghĩa Dõng, TP Quảng Ngãi	Xã Nghĩa Dõng, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
299	Nguyễn Chững	2/6/1960	Xã Nghĩa Dõng, TP Quảng Ngãi	Xã Nghĩa Dõng, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
300	Nguyễn Buôn	13/01/1960	Xã Nghĩa Dõng, TP Quảng Ngãi	Xã Nghĩa Dõng, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
301	Võ Hoàng	30/8/1963	Xã Nghĩa Dõng, TP Quảng Ngãi	Xã Nghĩa Dõng, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
302	Bùi Tượng	2/6/1957	Xã Nghĩa Dõng, TP Quảng Ngãi	Xã Nghĩa Dõng, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
303	Trần Đại	2/4/1965	Xã Nghĩa Dõng, TP Quảng Ngãi	Xã Nghĩa Dõng, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
304	Quảng Tiến	10/9/1963	P. Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	P. Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
305	Võ Thành Tống	10/12/1957	P. Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	P. Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
306	Nguyễn Văn Tư	15/8/1963	Đức Thắng, Mộ Đức	P. Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
307	Nguyễn Thanh Hoa	20/10/1954	Đức Hòa, Mộ Đức	P. Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
308	Trịnh Công Sơn	10/12/1963	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
309	Trần Đi	19/9/1964	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
310	Đinh Duy Thương	02/02/1955	phường Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
311	Nguyễn Quang	02/02/1963	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
312	Nguyễn Liên	15/01/1957	phường Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
313	Võ Thới	30/4/1966	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
314	Dương Đình Thảo	15/12/1963	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
315	Võ Đình Ánh	02/4/1964	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
316	Tạ Minh Bản	01/01/1955	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
317	Huỳnh Nam	27/4/1954	phường Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
318	Lê Bá Đào	10/4/1963	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
319	Đỗ Thành	06/8/1955	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
320	Nguyễn Hoàng	01/01/1965	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
321	Nguyễn Văn Khôi	06/8/1969	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
322	Trần Văn Đầu	10/5/1960	phường Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
323	Nguyễn Về	10/10/1960	phường Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
324	Trần Ánh	25/11/1967	xã Phổ An, huyện Đức Phổ	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
325	Phan Đủ	02/02/1963	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
326	Phan Điền	10/10/1958	phường Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
327	Trần Tài	10/10/1963	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
328	Trần Minh Cảnh	11/6/1965	xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
329	Vũ Như Hải	24/3/1964	phường Trần Phú, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
330	Lê Văn Minh	10/01/1966	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
331	Lê Văn Phải	19/10/1963	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
332	Ngô Văn Phước	20/4/1964	phường Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
333	Tạ Ngọc Tuấn	02/4/1964	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
334	Nguyễn Văn Chánh	20/4/1954	phường Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
335	Bùi Hải Triều	03/3/1965	phường Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
336	Lâm Quang Hoàng	02/3/1966	xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
337	Võ Chí Thanh	10/8/1957	xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
338	Ngô Sửu	07/5/1963	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	BVĐK TP Quảng Ngãi	QĐ 62
339	Đoàn Mạnh Phát	20/4/1962	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
340	Đoàn Căng	5/7/1965	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
341	Bùi Phụ Lễ	6/6/1965	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
342	Nguyễn Đại Hải	10/7/1970	Tịnh Đông, Sơn Tịnh	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
343	Phạm Văn Thành	1/3/1963	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
344	Nguyễn Văn Miết	20/11/1965	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
345	Nguyễn Tiến Nam	1/1/1966	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
346	Phạm Cư (Phạm Viết C	4/2/1964	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
347	Trần Phúc	16/9/1967	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
348	Mai Văn Tiên	1/1/1966	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
349	Tạ Công Quận	20/5/1960	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	P. Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	BVĐK tỉnh Q. Ngãi	QĐ 62
IV	HUYỆN ĐỨC PHỔ					
350	Nguyễn Văn Ấn	1966	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
351	Nguyễn Văn Bằng	1957	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
352	Lê Bá Năm	1965	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
353	Đào Thanh Trung	1964	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
354	Phạm Văn Sách	1964	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
355	Trần Văn Phụng	1956	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
356	Lê Văn Ngân	1966	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
357	Nguyễn Văn Dũng	1965	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
358	Lê Văn Đăng	1968	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
359	Trương Văn Hai	1958	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
360	Trương Minh Ban	1959	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
361	Trần Hữu Quanh	1965	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
362	Trần Hữu Hoành	1970	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
363	Lê Sanh	1966	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
364	Lê Hùng	1969	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
365	Nguyễn Văn Nghĩa	1963	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
366	Huỳnh Ấn	1965	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
367	Trần Quang Hùng	1967	Tiên An - Tiên Phước - Quảng Nam	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
368	Nguyễn Thái Thống	1957	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
369	Nguyễn Văn Vượng	1965	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 62
370	Nguyễn Cược	1958	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
371	Nguyễn Trung Tuấn	1976	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
372	Nguyễn Huy Hoàng	1954	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
373	Nguyễn Hoanh	1963	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
374	Mai Xuân Bang	1954	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
375	Trần Hùng	1964	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
376	Phạm Ngọc Bông	1962	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
377	Nguyễn Văn Hoạch	1954	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
378	Nguyễn Văn Lụa	1955	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
379	Phạm Đình Tồn	1954	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
380	Trần Văn Tiên	1970	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
381	Bùi Công Quốc	1966	Vĩnh Tân - Vĩnh Linh - Quảng Trị	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
382	Phạm Mưu	1952	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
383	Nguyễn Thể	1965	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
384	Đặng Trường	1965	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
385	Nguyễn Đến	1965	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
386	Võ Đạm	1964	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
387	Nguyễn Văn Cư	1965	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
388	Nguyễn Tấn Nguyên	1967	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
389	Mai Văn Hội	1963	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
390	Bùi Khỏe	1965	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
391	Trần Văn Sáu	1957	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
392	Nguyễn Thành Lê	1967	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
393	Phan Long Tin	1967	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
394	Võ Tiến Hựu	1956	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
395	Trần Văn Hay	1958	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
396	Nguyễn Hưởng	1956	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
397	Phạm Hồng Thái	1955	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
398	Nguyễn Văn Bé	1965	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
399	Lê Văn Hiệp	1967	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
400	Lê Trinh	1965	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
401	Nguyễn Tấn Thảo	1968	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
402	Đỗ Tiến Hựu	1956	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
403	Phạm Xuân Năm	1956	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
404	Hồ Văn Trang	1961	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
405	Võ Ngọc Chữ	1959	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
406	Nguyễn Thành Chung	1967	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
407	Phùng Văn Đát	1965	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
408	Võ Quận	1964	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
409	Trần Văn Hóa	1960	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
410	Phạm Hữu Thanh	1967	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
411	Nguyễn Văn Duyệt	1964	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
412	Nguyễn Quang Cường	1967	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
413	Nguyễn Văn Đồng	1958	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
414	Đào Văn Tân	1965	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
415	Lê Văn Sen	1965	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
416	Nguyễn Phúc Nguyên	1966	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
417	Trần Bầu	1963	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
418	Đỗ Tấn Nhẫn	1962	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
419	Nguyễn Tấn Tôi	1956	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
420	Phạm Văn Lâm	1965	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
421	Bạch Tộ	1957	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
422	Mai Giáp	1959	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
423	Nguyễn Văn Trí	1966	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
424	Mai Xuân Sơn	1964	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
425	Mai Sanh	1964	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
426	Huỳnh Nhánh	1959	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
427	Nguyễn Lắm	1967	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
428	Nguyễn Hữu Vị	1955	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Khánh	QĐ 62
429	Lê Ngọc Miết	1954	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
430	Nguyễn Tấn Thanh	1968	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
431	Huỳnh Văn Lẫm	1965	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
432	Trần Văn Tấn	1960	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
433	Hà Văn Vui	1954	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
434	Đỗ Đức Đạo	1965	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
435	Cao Tiến Chánh	1956	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
436	Phạm Kỳ	1966	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
437	Phạm Tám	1970	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
438	Huỳnh Tư	1955	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
439	Nguyễn Văn Lin	1954	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
440	Nguyễn Văn Thái	1956	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
441	Nguyễn Mẫn	1956	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
442	Nguyễn Văn Nam	1961	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
443	Võ Duy Hùng	1955	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
444	Phan Tý	1964	xã Phổ Hoà, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
445	Tô Văn Thanh	1966	xã Phổ Hoà, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
446	Trần Quang Trọng	1961	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
447	Lê Văn Kiên	1967	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
448	Nguyễn Văn Lập	1965	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
449	Nguyễn Văn Tấn	1965	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
450	Tô Văn Chính	1956	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
451	Huỳnh Văn Lam	1960	xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
452	Huỳnh Tấn Duyệt	1959	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
453	Nguyễn Văn Chương	1954	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
454	Huỳnh Quang Thiềng	1960	xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
455	Huỳnh Khang	1966	xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
456	Nguyễn Tiến Sương	1968	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
457	Trần Trí Nhân	1955	xã Đức Tân, huyện Mộ Đức	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
458	Đỗ Tiến Tám	1959	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
459	Võ Thuấn	1956	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
460	Dương Bãy	1967	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
461	Đỗ Tấn Đồng	1954	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
462	Lê Văn Tài	1955	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
463	Nguyễn Văn Định	1958	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
464	Phan Đình Chiến	1957	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
465	Nguyễn Thanh Tuấn	1957	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
466	Nguyễn Hữu Nhành	1957	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
467	Đặng Thanh Xuân	1958	xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ	TT Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế TT Đức Phổ	QĐ 62
468	Huỳnh Tấn Ý	1964	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
469	Huỳnh Quý	1968	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
470	Lê Thanh Chiến	1958	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
471	Trần Quang Sơn	1958	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
472	Ngô Văn Đẹp	1954	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
473	Đồng Viết Ngân	1968	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
474	Đồng Văn Đỡ	1965	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
475	Huỳnh Tấn Tài	1967	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
476	Võ Năm	1958	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
477	Lê Sáu	1961	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
478	Lê Diễn	1967	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
479	Nguyễn Tấn Đạt	1962	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
480	Huỳnh Đàn	1960	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
481	Nguyễn Ảnh	1962	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
482	Võ Văn Min	1965	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
483	Nguyễn Cự	1965	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
484	Trần Súng	1962	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
485	Nguyễn Văn An	1964	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
486	Nguyễn Đình Quát	1967	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
487	Nguyễn Hoài Ân	1957	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
488	Nguyễn Văn Long	1964	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
489	Phạm Quang Nin	1958	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
490	Mai Văn Kiểm	1961	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
491	Nguyễn Tấn Chín	1965	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
492	Võ Xuân Ấn	1965	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
493	Nguyễn Trực	1967	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
494	Nguyễn Hoa	1965	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
495	Nguyễn Ngàn	1965	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
496	Võ Duy Tân	1954	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
497	Võ Đình Lai	1965	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 62
498	Võ Hữu Nghị	1956	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
499	Võ Văn Hà	1966	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
500	Nguyễn Văn Hiến	1960	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
501	Đỗ Văn Đề	1969	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
502	Lê Văn Hiệu	1955	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
503	Phạm Xuân Phụng	1953	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
504	Trần Văn Mạnh	1968	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
505	Nguyễn Thật	1965	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
506	Tạ Văn Ưng	1965	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
507	Nguyễn Hùng	1965	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
508	Phạm Văn Lùn	1965	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
509	Nguyễn Hữu Chức	1965	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
510	Hồ Ngọc Trung	1958	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
511	Nguyễn Đình Giác	1963	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
512	Nguyễn Bá Non	1968	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
513	Trần Ngọc Quang	1967	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
514	Dương Hiền Tươi	1966	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
515	Lê Tinh	1953	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
516	Dương Hồng Sen	1953	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
517	Nguyễn Luyện	1961	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
518	Phạm Quang	1959	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
519	Võ Văn Lá	1962	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
520	Trần Văn Trường	1967	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
521	Trần Văn Hưng	1965	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
522	Nguyễn Hơn	1957	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
523	Lê Văn Thuận	1959	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
524	Lê Văn Thiệt	1969	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
525	Lâm Hữu Nghị	1954	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
526	Nguyễn Thanh Lượng	1968	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
527	Võ Xuân Thư	1967	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
528	Võ Văn Phi	1967	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
529	Phạm Anh Đào	1957	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
530	Dương Hiền Lai	1964	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
531	Lê Hùng	1963	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
532	Lê Văn Chi	1968	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 62
533	Nguyễn Minh Hòa	1963	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
534	Nguyễn Văn Kim	1967	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
535	Ngô Tuấn Em	1966	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
536	Trần Quang Côn	1965	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
537	Đinh Phú	1958	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
538	Nguyễn Quyền	1955	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
539	Trần Một	1965	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
540	Phạm Văn Minh	1960	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
541	Nguyễn Văn Liêm	1966	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
542	Nguyễn Văn Luân	1965	Hải Hà - Tĩnh Gia - Thanh Hóa	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
543	Lê Đình Ấn	1967	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
544	Trần Minh Đức	1964	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
545	Nguyễn Cho	1965	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
546	Võ Văn Long	1965	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
547	Võ Văn Vân	1965	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
548	Đặng Văn Thanh	1956	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
549	Nguyễn Hữu Đức	1959	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
550	Trần Tam	1962	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
551	Lê Văn Trạng	1964	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
552	Nguyễn Văn Bính	1968	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
553	Huỳnh Ngọc Rách	1958	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
554	Trần Đạt	1964	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
555	Nguyễn Tấn Lộng	1964	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
556	Trần Minh Lộc	1958	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
557	Trần Ngọc Cảnh	1965	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
558	Nguyễn Tấn Định	1969	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
559	Phan Văn Thực	1964	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
560	Nguyễn Chánh	1966	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
561	Võ Thanh Toàn	1964	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
562	Trần Ngọc Thạnh	1959	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
563	Lê Xuôi	1963	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
564	Võ Văn Chăng	1961	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
565	Trần Văn Chính	1966	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
566	Lê Văn Minh	1954	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
567	Trần Chơi	1961	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
568	Lê Thành Lâm	1966	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
569	Đặng Văn Thơm	1966	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
570	Nguyễn Văn Thành	1954	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
571	Đỗ Ngọc Sỹ	1960	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
572	Mai Văn Du	1961	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
573	Ngô Minh Sâm	1959	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
574	Võ Hổ	1961	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
575	Bùi Cu	1965	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
576	Trần Chiến	1955	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
577	Nguyễn Văn Khanh	1956	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
578	Nguyễn Tấn Phó	1956	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
579	Nguyễn Công Danh	1965	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
580	Nguyễn Lương	1958	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
581	Kiều Bá Đoàn	1957	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
582	Đào Văn Sung	1966	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
583	Nguyễn Đoan	1964	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
584	Trần Văn Nhơn	1964	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
585	Võ Nhì	1961	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
586	Kinh Quang Phận	1953	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
587	Lê Tấn Quang	1970	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
588	Phùng Đình Văn	1968	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
589	Nguyễn Đức Sáu	1968	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
590	Phan Văn Ý	1965	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
591	Nguyễn Quang Trung	1956	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
592	Phan Văn Tấn	1968	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
593	Phan Đại	1968	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
594	Nguyễn Duy Thống	1961	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
595	Đặng Văn Long	1954	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
596	Nguyễn Tài Hoanh	1961	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
597	Nguyễn Bảy	1957	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
598	Huỳnh Văn Đông	1963	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
599	Lê Văn Hàng	1960	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
600	Nguyễn Văn Luận	1965	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
601	Nguyễn Thanh Long	1956	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
602	Lê Văn Hùng	1967	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
603	Trần Thanh Hùng	1958	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
604	Nguyễn Sớm	1955	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
605	Võ Anh Tuấn	1952	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
606	Nguyễn Hận	1963	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
607	Bùi Diễn	1954	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
608	Dương Văn Hạnh	1965	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
609	Đặng Lượng	1960	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
610	Nguyễn Răng	1958	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
611	Dương Thanh Vinh	1957	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
612	Nguyễn Công Trí	1955	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
613	Lữ Thiện Đồng	1955	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
614	Phạm Thanh Xuân	1956	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
615	Đỗ Văn Thành	1953	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
616	Thới Xuân Năm	1967	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
617	Nguyễn Văn Dũng	1968	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
618	Nguyễn Trung Mỹ	1967	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
619	Nguyễn Văn Chín	1966	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
620	Trần Tấn Quảng	1954	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
621	Mai Quốc Anh	1965	Tiên Thọ - Tiên Phước - Quảng Nam	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
622	Nguyễn Bảy	1964	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
623	Võ Sỹ Đông	1963	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
624	Huỳnh Ngọc Hải	1967	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
625	Nguyễn Thanh Tố	1967	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
626	Phạm Hiệp	1967	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
627	Nguyễn Thao	1965	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
628	Phạm Trung Cấp	1956	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
629	Nguyễn Đình Mạnh	1961	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
630	Nguyễn Lương	1968	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
631	Nguyễn Trọng Hưng	1958	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
632	Trần Hùng	1964	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
633	Lê Cảnh	1962	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
634	Lê Thanh Hải	1958	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
635	Nguyễn Văn Trực	1964	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
636	Phạm Văn Huấn	1960	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
637	Võ Công Hiếu	1968	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
638	Nguyễn Tấn	1967	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
639	Nguyễn Tấn Kề	1968	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 62
640	Huỳnh Minh Châu	1960	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
641	Huỳnh Đức Hạnh	1953	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
642	Phạm Thanh Tuấn	1966	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
643	Nguyễn Thành Công	1958	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
644	Huỳnh Đăng Chúng	1964	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
645	Bùi Hữu Nhi	1952	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
646	Nguyễn Thiên Hương	1955	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
647	Mai Văn Thanh	1951	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
648	Võ Văn Dũng	1964	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
649	Huỳnh Ngọc Thu	1966	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
650	Huỳnh Văn Mỹ	1968	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
651	Huỳnh Minh Tâm	1964	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
652	Huỳnh Tấn Dũng	1964	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
653	Nguyễn Vĩnh Thành	1952	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
654	Nguyễn Đình Mân	1965	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
655	Nguyễn Sâm	1965	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
656	Nguyễn Văn Thuần	1967	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
657	Nguyễn Trưởng	1965	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
658	Huỳnh Văn Hiến	1960	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
659	Nguyễn Văn Hoàng	1966	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
660	Phan Văn Tư	1955	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
661	Trần Lực	1960	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
662	Lê Luân	1965	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
663	Lê Trung Khanh	1956	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
664	Nguyễn Nhuận	1963	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
665	Huỳnh Ngọc Thanh	1959	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
666	Nguyễn Văn Điện	1957	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
667	Nguyễn Dưỡng	1959	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
668	Nguyễn Hồng Lưu	1956	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
669	Nguyễn Văn Cần	1964	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
670	Nguyễn Văn Nguyên	1964	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
671	Nguyễn Văn Sáu	1954	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
672	Phạm Đình Tấn	1965	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
673	Võ Đơ	1958	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
674	Lê Văn Tường	1962	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
675	Huỳnh Đăng Hồi	1964	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
676	Phạm Ngọc Tuấn	1960	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
677	Nguyễn Ngọc Nhủ	1954	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
678	Huỳnh Thanh Việt	1959	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
679	Trần Văn Trị	1953	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Văn	QĐ 62
680	Lê Văn Ý	1965	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Lộ Bàn - Phổ Ninh - Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
681	Võ Duy Nhị	1962	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
682	Nguyễn Hưng	1956	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
683	Nguyễn Thành Nhân	1964	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
684	Nguyễn Văn Hùng	1957	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
685	Nguyễn Văn Châu	1966	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
686	Hồ Lực	1967	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
687	Hồ Ngọc Vũ	1964	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
688	Phan Thanh Quang	1956	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
689	Huỳnh Hon	1966	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
690	Tô Quới	1964	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
691	Nguyễn Văn Mỹ	1958	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
692	Lê Tấn Mạng	1961	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
693	Trần Thanh Tâm	1962	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
694	Trần Thanh Thảo	1966	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
695	Huỳnh Quang Khải	1963	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
696	Hồ Hoài Linh	1964	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
697	Nguyễn Tấn Tiến	1964	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
698	Nguyễn Phê	1966	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
699	Nguyễn Văn Hùng	1966	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
700	Phạm Tấn Tình	1964	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
701	Nguyễn Đấu	1967	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
702	Trần Kim Sơn	1966	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm y tế xã Phổ Ninh	QĐ 62
703	Nguyễn Bê	1940	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
704	Nguyễn Thị Tin	1952	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
705	Bùi Thị Tùng	1959	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
706	Nguyễn Ngọc Ảnh	1953	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
707	Trần Thị Lành	1955	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
708	Huỳnh Thị Dư	10/4/1949	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
709	Võ Thị Bồng	10/8/1952	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
710	Trần Thị Thìn	6/16/1927	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
711	Nguyễn Sáu	1938	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
712	Nguyễn Vận	11/20/1951	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
713	Nguyễn Ngọc Huy	1956	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
714	Nguyễn Thị Mười	1949	Đức Lân - Mộ Đức - Quảng Ngãi	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
715	Đặng Bảy	1945	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
716	Nguyễn Nhân	1956	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
717	Nhữ Văn Phượng	9/8/1948	Kim Phú - Yên Sơn - Tuyên Quang	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
718	Đào Văn Lê	1959	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
719	Nguyễn Hồng	1951	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
720	Phạm Minh Trực	1938	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
721	Nguyễn Văn Tiến	1952	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thuận	QĐ 290
722	Võ Hữu Tùng	1958	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
723	Đào Ngọc Sỹ	1951	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
724	Trần Thị Thới	20/01/1940	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
725	Võ Nhân	01/01/1947	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
726	Ngô Rồi	08/4/1950	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
727	Phùng Thị Mùi	26/02/1954	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
728	Phạm Thị Măng	15/5/1941	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
729	Nguyễn Thị Uổi	06/5/1947	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
730	Lê Thị Bảy	10/6/1940	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
731	Võ Văn Anh	22/11/1950	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
732	Nguyễn Thị Quí	04/6/1954	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
733	Nguyễn Được	04/6/1954	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
734	Võ Thị Những	1953	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
735	Nguyễn Thị Đỗ	1940	xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
736	Lê Văn Liễu	1953	huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
737	Võ Thị Cợ	23/12/1953	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 290
738	Võ Thị Gia	20/11/1947	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
739	Tô Thị Bảy	10/10/1950	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
740	Hồ Thị Vân	1958	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
741	Nguyễn Thị Ba	1949	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
742	Trần Thị Quân	1955	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
743	Lê Minh Dương	10/10/1955	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
744	Trần Thị Chín	10/5/1952	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
745	Phan Thị Thêm	20/11/1944	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
746	Võ Thị Nhận	01/5/1947	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
747	Đỗ Thị Năm	10/3/1948	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
748	Nguyễn Tục	06/8/1936	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
749	Võ Liêm	23/10/1952	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
750	Nguyễn Thông	10/11/1936	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
751	Nguyễn Văn Lệ	10/10/1958	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
752	Phạm Hoàng Đạo	01/10/1948	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
753	Đặng Thị Liên	09/01/1956	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
754	Lê Thị Minh Hưng	1960	xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Ninh	QĐ 290
755	Đầu Thị Xứng	1939	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 290
756	Phạm Thị An	15/3/1947	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 290
757	Phan Thị Bưởi	09/5/1958	Hoài Châu Bắc- Hoài Nhơn - Bình Định	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 290
758	Hồ Thị Thể	26/5/1950	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 290

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
759	Nguyễn Hải Lý	1959	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 290
760	Phan Văn Ngôn	27/4/1960	Quế Lộc - Nông Sơn - Quảng Nam	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 290
761	Trần Thị Xiếu	1949	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 290
762	Nguyễn Thị Hoa	1952	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 290
763	Nguyễn Thị Thu	1956	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 290
764	Võ Thị Hoa	1945	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 290
765	Đặng Huỳnh	1953	Nghĩa Phương - Tư Nghĩa	xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	BX Đặng Thùy Trâm	QĐ 290
766	Huỳnh Lễ	1944	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 290
767	Nguyễn Trung	1945	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 290
768	Nguyễn Văn Nghiễm	1935	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 290
769	Nguyễn Thị Biểu	1957	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 290
770	Trần Thị Phi	1956	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 290
771	Trần Thị Trị	1957	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 290
772	Trần Văn Lướt	1953	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 290
773	Nguyễn Đăng Khanh	1953	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 290
774	Nguyễn Thị Kim Huệ	1955	xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 290
775	Nguyễn Thị Ngọc	1955	Tịnh Hà - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Hòa	QĐ 290
776	Nguyễn Thị Hợi	1949	xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	xã Phổ An, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ An	QĐ 290
777	Trần Thị Mè	1956	xã Phổ An, huyện Đức Phổ	xã Phổ An, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ An	QĐ 290
778	Phạm Học	1954	xã Phổ An, huyện Đức Phổ	xã Phổ An, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ An	QĐ 290
779	Phạm Thị Năm	1950	xã Phổ An, huyện Đức Phổ	xã Phổ An, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ An	QĐ 290
780	Phạm Thị Tùng	1951	xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ	xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Phong	QĐ 290
781	Ngô Thị Cứu	1949	xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ	xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Phong	QĐ 290
782	Lê Trung Thanh	1952	xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ	thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế Thị trấn Đức Phổ	QĐ 290
783	Nguyễn Thị Bảy	1949	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Quang	QĐ 290
784	Trần Văn Kiều	1967	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 62
785	Nguyễn Nghiên	1953	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 62
786	Nguyễn Duy Nghiệp	1960	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 62
787	Nguyễn Trung Kiên	1964	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 62
788	Lê Thắm	1964	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 62
789	Trần Văn Tá	1962	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 62
790	Nguyễn Hữu Vân	1961	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
791	Nguyễn Văn Nữa	1960	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 62
792	Nguyễn Hữu Thu	1955	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 62
793	Huỳnh Đồng	1953	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 62
794	Nguyễn Hữu Phước	1953	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 62
795	Nguyễn Nhạn	1953	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 62
796	Lê Văn Phúc	1968	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 62
797	Phan Thanh Chấn	1954	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Vinh	QĐ 62
798	Trần Vũ Bằng	02/01/1956	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 62
799	Nguyễn Văn Dưỡng	03/11/1964	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 62
800	Huỳnh Vương	09/12/1966	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 62
801	Trần Ngọc Hoàng	01/01/1966	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 62
802	Đặng Hồ Kế	25/3/1951	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 62
803	Trần Cạnh	14/5/1969	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 62
804	Nguyễn Đúng	19/8/1965	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 62
805	Trịnh Đạt	10/01/1954	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 62
806	Nguyễn Văn Thơm	26/9/1966	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 62
807	Cao Xuân Nam	03/3/1965	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 62
808	Huỳnh Rồng	12/11/1962	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 62
809	Trần Văn Tĩnh	06/7/1966	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 62
810	Lê Hộp	17/01/1966	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 62
811	Trương Xuân Hải	07/8/1964	Tam Quan - Hoài Nhơn - Bình Định	xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Châu	QĐ 62
812	Trần Đức Minh	13/10/1957	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
813	Kinh Quang Lộc	14/8/1962	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
814	Nguyễn Văn Cung	20/7/1963	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
815	Lê Văn Hảo	12/12/1969	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Thạnh	QĐ 62
816	Trần Anh Tuấn	20/02/1969	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
817	Phạm Dư	03/6/1965	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
818	Đỗ Đức Thảo	10/6/1962	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
819	Nguyễn Văn Sáu	10/12/1954	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
820	Ngô Tấn Tuyển	01/01/1956	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
821	Đoàn Văn Đức	01/01/1966	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
822	Nguyễn Văn Chiến	13/8/1965	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
823	Nguyễn Văn Lại	02/04/1956	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
824	Nguyễn Văn Sơn	16/02/1967	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
825	Hồ Công Định	1960	huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ	Trạm Y tế xã Phổ Nhơn	QĐ 62
V	**HUYỆN NGHĨA HÀNH**					
826	Lê Đình Khoa	1966	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Đông	QĐ 62
827	Lê Trung Kiên	1961	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Đông	QĐ 62
828	Ngô Văn Anh	1962	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Đông	QĐ 62
829	Ngô Văn Xuân	1953	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Đông	QĐ 62
830	Nguyễn Bồi	1963	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Đông	QĐ 62
831	Nguyễn Phương	1964	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Đông	QĐ 62
832	Nguyễn Thanh Sương	1963	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Đông	QĐ 62
833	Nguyễn Văn Hồng	1964	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Đông	QĐ 62
834	Phạm Bình	1966	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Đông	QĐ 62
835	Trần Văn Trung	1957	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Đông	QĐ 62
836	Trịnh Văn Hòa	1957	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Đông	QĐ 62
837	Võ Tấn Quy	1960	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Đông	QĐ 62
838	Võ Tấn Sinh	1959	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Đông	QĐ 62
839	Hà Văn Siêm	1962	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
840	Hà Văn Thanh	1953	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
841	Hồ Kim Nam	1966	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
842	Huỳnh Tấn Hương	1961	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
843	Lê Bền	1962	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
844	Lê Văn Duyệt	1963	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
845	Lê Văn Thạch	1962	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
846	Lê Văn Trị	1963	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
847	Mai Văn Lâm	1965	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
848	Nguyễn Anh Đức	1962	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
849	Nguyễn Hiền	1963	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
850	Nguyễn Khắc Trân	1965	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
851	Nguyễn Minh Trung	1962	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
852	Nguyễn Quây	1957	xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
853	Nguyễn Trương	1967	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
854	Trần Đức Quá	1959	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
855	Trần Tùng	1965	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
856	Trịnh Công Việt	1962	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
857	Văn Tấn Cầu	1969	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
858	Võ Tấn Giang	1966	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
859	Võ Thành Danh	1958	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
860	Võ Văn Kế	1960	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
861	Võ Văn Thái	1966	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm y tế xã Hành Thiện	QĐ 62
862	Đỗ Ngọc Anh	1964	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
863	Đỗ Tấn Thu	1965	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
864	Huỳnh Dũng	1967	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
865	Lê Tích	1962	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
866	Ngô Mến	1960	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
867	Nguyễn Hồng Phong	1962	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
868	Nguyễn Xuân Trang	1962	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
869	Phạm Minh Tuấn	1964	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
870	Trần Ngọc Kim	1957	xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
871	Võ Tấn Danh	1957	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
872	Huỳnh Bảy	1965	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
873	Huỳnh Ngọc Khôi	1958	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
874	Huỳnh Trông	1965	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
875	Huỳnh Văn Chín	1966	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
876	Lê Văn Giới	1968	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
877	Nguyễn Bé	1968	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
878	Nguyễn Hùng	1963	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
879	Nguyễn Minh Dũng	1958	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
880	Nguyễn Ngọc Vân	1963	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
881	Nguyễn Phi	1964	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
882	Nguyễn Quá	1965	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
883	Nguyễn Sơn	1961	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
884	Nguyễn Thanh Chánh	1960	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
885	Nguyễn Thanh Hùng	1957	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
886	Nguyễn Thanh Hùng	1968	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
887	Nguyễn Trinh	1963	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
888	Nguyễn Văn	1958	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
889	Nguyễn Văn Thương	1952	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
890	Phạm Ngọc Bửu	1963	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
891	Phạm Ngọc Quyên	1963	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
892	Phan Trung Ny	1959	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
893	Trần Diên	1965	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
894	Trần Thanh Hiền	1966	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
895	Trần Văn Đúng	1955	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
896	Trần Văn Hiền	1965	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
897	Trần Văn Hiệp	1968	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
898	Trịnh Kim Nghĩa	1969	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
899	Võ Liền	1955	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
900	Võ Tấn Thanh	1965	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
901	Võ Văn Minh	1954	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
902	Võ Văn Thuận	1968	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
903	Võ Văn Thương	1963	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
904	Vũ Văn Hương	1967	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
905	Võ Phúc	1966	xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
906	Nguyễn Lành	1960	xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
907	Nguyễn Văn Sinh	1970	xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
908	Lê Văn Hai	1963	xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
909	Lương Văn Duẩn	1958	xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa	xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
910	Nguyễn Hữu Tâm	1961	xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
911	Nguyễn Năm	1969	xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
912	Võ Luật	1965	xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
913	Đinh Công Tám	1958	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
914	Đinh Văn Đến	1959	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
915	Hồ Duy	1967	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
916	Hồ Tôn	1959	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
917	Lê Văn Việt	1960	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
918	Ngô Hoàng Mậu	1963	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
919	Nguyễn Công Tính	1964	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
920	Nguyễn Đăng Bình	1963	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
921	Nguyễn Đăng Phường	1962	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
922	Nguyễn Ngâm	1961	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
923	Nguyễn Tài	1967	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
924	Nguyễn Tấn Sơn	1966	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
925	Nguyễn Tàu	1963	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
926	Nguyễn Tuệ	1965	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
927	Nguyễn Văn Bảy	1969	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
928	Nguyễn Văn Long	1958	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
929	Nguyễn Văn Thời	1964	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
930	Nguyễn Văn Trình	1964	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
931	Nguyễn Văn Tự	1963	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
932	Phạm Mạnh	1962	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
933	Phan Dương	1960	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
934	Phan Tấn Thanh	1959	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
935	Quảng Chí Hưng	1963	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
936	Tiêu Đồng	1966	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
937	Trần Cao Giáp	1966	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
938	Trần Đại Thạch	1960	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
939	Trần Đình Hảo	1966	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
940	Trương Hy	1964	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
941	Võ Hải	1970	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
942	Võ Mạnh	1964	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Nhân	QĐ 62
943	Cao Văn Quân	1964	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
944	Dương Ngọc Sơn	1968	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
945	Hà Xuân Minh	1958	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
946	Huỳnh Ba	1962	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
947	Nguyễn Dễ	1961	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
948	Nguyễn Văn Truyền	1962	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
949	Võ Duy Quý	1965	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
950	Võ Duy Thuỳ	1967	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
951	Bùi Đình Cường	1967	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
952	Bùi Đình Mau	1967	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
953	Bùi Đình Minh	1961	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
954	Bùi Đình Thành	1964	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
955	Bùi Văn Duệ	1961	Thanh Chương, Nghệ Tĩnh	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
956	Đặng Văn Tâm	1964	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
957	Đỗ Hồng Mỹ	1964	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
958	Hồ Tấn Dũng	1961	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
959	Lê Kế	1960	Nghĩa Điền, Tư Nghĩa	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
960	Lê Ngọc Lai	1964	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
961	Nguyễn Duy Đi	1960	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
962	Nguyễn Hữu Thành	1966	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
963	Nguyễn Ngọc Linh	1961	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
964	Nguyễn Quới	1960	Hành Trung, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
965	Nguyễn Sơn	1958	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
966	Nguyễn Thanh Hùng	1964	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
967	Nguyễn Văn Hoa	1958	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
968	Nguyễn Văn Nam	1966	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
969	Nguyễn Văn Thiện	1966	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
970	Nguyễn Xuân Dung	1965	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
971	Ngô Xuân Cang	1959	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
972	Phạm Đúng	1964	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
973	Phạm Tấn Hải	1964	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
974	Phạm Văn Dũng	1959	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
975	Phạm Văn Thụ	1959	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
976	Vương Tấn Luật	1964	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
977	Vy Hội	1958	xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
978	Vy Văn Hiền	1967	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 62
979	Nguyễn Thị Tỵ	1937	xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Tây	QĐ 290
980	Trương Thị Tữu	1946	xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Tây	QĐ 290
981	Trần Thị Nghị	1945	xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Tín Tây	QĐ 290
982	Nguyễn Thị Hoa	1954	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Thiện	QĐ 290
983	Huỳnh Thị Liễu	1946	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	BV Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 290

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi đăng ký khám chữa bệnh theo quy định của BHYT	Ghi chú (Đối tượng)
984	Lê Thị Long	1944	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	BV Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 290
985	Trương Luân	1938	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	BV Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 290
986	Ngô Văn Sỹ	1956	xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	BV Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 290
987	Nguyễn Thị Liên	1952	xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành	BV Đa khoa Nghĩa Hành	QĐ 290
988	Nguyễn Thị Dõng	1944	xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Dũng	QĐ 290
989	Nguyễn Thiện Hữu	1937	xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành	xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành	Trạm Y tế xã Hành Dũng	QĐ 290
VI	**HUYỆN TRÀ BỒNG**					
990	Nguyễn Mậu Năm	1958	xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức	xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng	Trung tâm y tế huyện Trà Bồng	QĐ 62
991	Nguyễn Đức Tâm	1957	xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức	xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng	Trung tâm y tế huyện Trà Bồng	QĐ 62

Tổng số người trong danh sách: 991 người